

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 14/6/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-DS ngày 07/12/2022 về việc việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 6, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1947 và bà Trần Thị H, sinh năm 1949; cùng địa chỉ: Tổ 6, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông S, bà H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 24/10/2019 (Âm lịch), là ngày 20/11/2019 dương lịch, ông Nguyễn Thành S và bà Trần Thị H có mượn (vay) tôi số tiền 148.000.000đ, ông bà nói mua vật liệu xây nhà cho con; ông, bà hứa 01 năm sau sẽ trả đủ số tiền ông bà đã mượn cho tôi, trong đó ông bà đem GCNQSDĐ số CE: 094000 để làm lòng tin, cho đến nay tôi có đến nhà ông Nguyễn Thành S, bà Trần Thị H đòi tiền nhiều lần, nhưng ông, bà không chịu trả cho tôi, còn có những lời lẽ khó nghe và mắng chửi, bà H nói muốn làm gì làm, bà không có tiền trả.

Vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A buộc ông Nguyễn Thành S, bà Trần Thị H phải trả tổng số tiền là 148.000.000đ. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Văn T cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 01 “GiẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 24/10/2019AL, có chữ ký, chữ viết

tên dưới mục “Người mượn tiền” là Trần Thị H, “Người cho mượn tiền” Trần Văn T.

Bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà H; địa chỉ: Tổ 6, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn ông S, bà H mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo “Giấy mượn tiền” mà hai bên xác lập đề ngày 20/11/2019 dương lịch, thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà H phải trả cho ông số tiền vay tổng cộng là 148.000.000đ. Ông T xuất trình chứng cứ 01 bản gốc “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 24/10/2019 AL, trong đó có chữ ký và chữ viết tên “Người mượn tiền” là bà Trần Thị H. Theo nội dung ghi trong giấy mượn tiền này thể hiện: *Người mượn (vay) tiền là: “Trần Thị H- Nguyễn Thanh Sơn, số CMND: 230114811 cấp ngày 02/12/2018; địa chỉ cư trú: Tổ 9 (nay tổ 6)-phường B, thị xã A, Gia Lai. Hôm nay ngày 24/10/2019 AL. Tại 91A Ngõ Thị Nhậm, phường Tây Sơn, thị xã A- tỉnh Gia Lai, tôi có mượn của ông Trần Văn T với số tiền 148.000.000đ bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn. Trong thời gian là 12 tháng kể từ ngày 24/10/2019 đến ngày 24/10/2020, tôi phải trả số tiền trên đúng cam kết cho ông T. Nếu tôi quá thời hạn trả nợ, ông T có quyền chuyển toàn bộ hồ sơ mượn tiền đến Tòa án nơi bên mượn cư trú để nhờ pháp luật can thiệp giải quyết. người mượn tiền: ký tên và ghi tên Trần Thị H; người cho mượn tiền Trần Văn T”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Đến ngày thực hiện nghĩa vụ cuối cùng là ngày 24/10/2020, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền như cam kết trong giấy vay tiền, như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng với ông T. Ông T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải trả trả cho ông với số tiền 148.000.000đ là có cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS 2015 nên được chấp nhận.

Ngoài việc khởi kiện yêu cầu bà H phải trả khoản nợ 148.000.000đ, trong đơn khởi kiện, ông T còn yêu cầu ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1947, địa chỉ: Tổ 6, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai cùng có trách nhiệm trả nợ với bà H. Tuy nhiên, trong chứng cứ “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 24/10/2019 AL mà ông T giao nộp, chỉ ghi: “ Tôi tên Trần Thị H-Ông Nguyễn Thanh S”, không có ai tên ông Nguyễn Thành S và không có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thành S ở mục người mượn tiền; ông T cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh ông Nguyễn Thành S là người cùng bà H vay khoản tiền này, do đó yêu cầu này của ông T là không có cơ sở để được chấp nhận.

Ông T không yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $148.000.000đ \times 5\% = 7.400.000đ$ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc yêu cầu ông Nguyễn Thành S có trách nhiệm cùng bà H trả nợ, nhưng không được Tòa án chấp nhận theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000đ, ông T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp thừa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 điều 466, Điều 470 BLDS 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T:

- Buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông Trần Văn T số tiền 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Nguyễn Thành S về việc buộc ông Nguyễn Thành S cùng với bà H trả số tiền 148.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ; ông T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011998 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Hoàn trả cho ông T số tiền là: 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) ông đã nộp thừa.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (14/6/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn